

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Xu hướng giảng co tiếp diễn trong phiên hôm nay. Sau một ngày giảng co, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,885.44 điểm, giảm hơn 8 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Ô tô & phụ tùng,... Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí, Tiện ích. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index đang cố gắng vượt qua đỉnh 1,900 nhưng chưa thành công. Ngưỡng hỗ trợ hiện tại của chỉ số là 1,850.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411IG2000, 411IG3000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-8.34** điểm, đóng cửa tại **1885.44** điểm. HNX-Index **-0.45** điểm, đóng cửa tại **252.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+3.01)**, **STB (+1.74)**, **BSR (+1.68)**, **CTG (+0.94)**, **DGC (+0.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.34)**, **VCB (-1.25)**, **VPB (-1.17)**, **GEE (-1.08)**, **VIC (-0.83)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,580** tỷ đồng, tăng **4.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 37,339 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 34.97 điểm. Thị trường có **96** mã tăng, 36 mã tham chiếu, **246** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-312.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-193.27 tỷ)**, **VCB (-151.81 tỷ)**, **VIC (-101.63 tỷ)**, **HCM (-84.87 tỷ)**, **GEX (-62.23 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **88.64** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.01%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+7.81%) ([Link báo cáo](#))
BSR (+6.99%) ([Link báo cáo](#))
DGC (+6.98%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.87%**. Các mã diễn biến tích cực:
GAS (+5.26%) ([Link báo cáo](#))
IDC (+5.17%) ([Link báo cáo](#))
PVD (+4.39%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.01%	-0.87%	-0.44%	-0.25%
1 tuần	1.00%	0.59%	-0.48%	0.64%
1 tháng	11.29%	4.59%	7.68%	4.79%
3 tháng	12.19%	2.32%	11.76%	6.92%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,885.44	252.66	125.93
% 1D	-0.44%	-0.18%	-0.52%
GTKL (tỷ VND)	34,580	2,624	927
%1D	4.25%	26.03%	-45.13%
GDNN (tỷ VND)	-312.93	88.64	-23.94

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GMD	129.98	VNM	-193.27
KBC	103.95	VCB	-151.81
VHM	95.94	VIC	-101.63
DGC	92.90	HCM	-84.87
ACB	85.35	GEX	-62.23

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

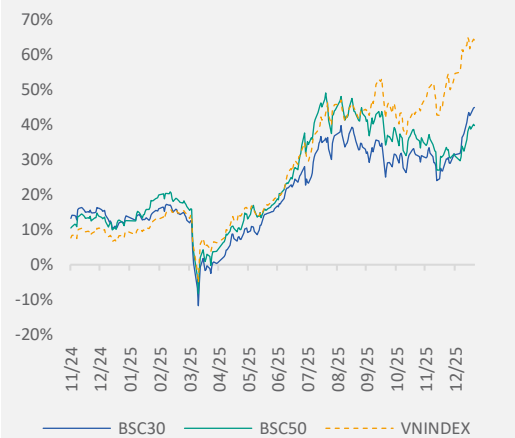
		%D	%W
SPX	6,797	-2.06%	-2.59%
FTSE100	10,117	-0.09%	-0.66%
Eurostoxx	5,880	0.04%	-2.23%
Shanghai	4,117	0.08%	-0.22%
Nikkei	52,775	-0.41%	-2.95%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.93	-0.12%
Giá vàng	4,860	1.97%
Tỷ giá		
USD/VND	26,380	-0.02%
EUR/VND	31,574	-0.07%
JPY/VND	170	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

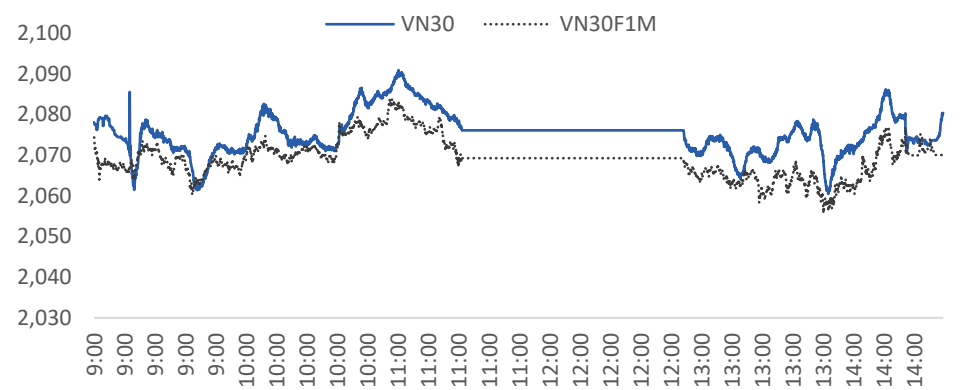
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G2000	2078.00	0.02%	331,625	4.7%	13/02/2026	23
41I1G6000	2060.10	-0.65%	18	-61.7%	18/06/2026	148
41I1G9000	2062.00	-0.39%	20	-35.5%	17/09/2026	239
41I1G3000	2074.00	0.07%	834	37.85%	19/03/2026	57

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -5.23 điểm, đóng cửa tại 2080.38 điểm. Biên độ dao động 30.48 điểm. Các cổ phiếu như VNM, HPG, VPB, MBB, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giao dịch dưới tham chiếu trong phần lớn thời gian. Thanh khoản thị trường quanh ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G2000, 41I1G3000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000, 41I1G9000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2529	25/03/2026	63	1,880,900	11.27%	65.50	1,800	143.2%	1.40	69.10	62.10	62.10
CSTB2531	9/03/2026	47	801,400	7.89%	60.10	2,300	87.0%	1.56	67.00	62.10	62.10
CSTB2535	11/05/2026	110	216,200	21.26%	71.70	1,200	64.4%	0.78	75.30	62.10	62.10
CSTB2605	29/06/2026	159	604,900	14.25%	60.00	3,650	52.1%	2.65	70.95	62.10	62.10
CSTB2538	26/05/2026	125	140,800	1.48%	54.50	2,840	44.9%	3.51	63.02	62.10	62.10
CSTB2519	23/06/2026	153	539,700	3.43%	51.00	4,410	42.7%	4.53	64.23	62.10	62.10
CSTB2528	23/02/2026	33	440,900	0.60%	49.00	4,490	42.1%	4.45	62.47	62.10	62.10
CSTB2530	25/06/2026	155	10,100	18.45%	67.80	2,880	41.9%	2.26	73.56	62.10	62.10
CTCB2516	25/03/2026	63	98,100	29.66%	45.20	250	38.9%	0.02	46.42	35.80	35.80
CFPT2601	19/06/2026	149	31,900	19.62%	99.00	2,660	37.1%	1.18	125.60	105.00	105.00
CSTB2520	23/03/2026	61	170,800	1.06%	48.00	4,920	36.7%	4.88	62.76	62.10	62.10
CSTB2524	23/06/2026	153	9,500	10.95%	53.90	3,000	36.4%	2.30	68.90	62.10	62.10
CSTB2526	24/02/2026	34	37,800	0.93%	55.00	1,280	34.7%	1.31	62.68	62.10	62.10
CSTB2521	23/06/2026	153	1,695,200	5.44%	50.00	3,870	32.5%	3.59	65.48	62.10	62.10
CSTB2512	23/02/2026	33	79,400	1.00%	46.00	4,180	31.4%	4.08	62.72	62.10	62.10
CSTB2604	26/10/2026	278	302,400	15.30%	60.00	2,320	30.3%	2.07	71.60	62.10	62.10
CLPB2507	3/03/2026	41	7,300	4.49%	37.98	1,380	29.0%	1.12	44.88	42.95	42.95
CSTB2515	20/05/2026	119	571,400	1.95%	40.00	7,770	20.7%	7.60	63.31	62.10	62.10
CSTB2514	13/04/2026	82	837,400	2.90%	39.50	6,100	19.4%	5.76	63.90	62.10	62.10
CVPB2529	9/02/2026	19	400	30.57%	37.80	130	18.2%	0.00	37.93	29.05	29.05

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 21/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2529 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 143.24%. CSTB2521 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 3.65%.
 - CFPT2606, CVHM2521, CVRE2526, CVIB2603, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2511, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	110.00	5.26%	3.01	2.41
STB	62.10	6.88%	1.74	1.89
BSR	22.20	6.99%	1.68	5.01
CTG	40.20	1.39%	0.94	7.77
DGC	69.00	6.98%	0.39	0.38

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	41.40	7.81%	0.93	0.51
IDC	46.80	5.17%	0.52	0.38
PVI	101.30	1.30%	0.17	0.23
PLC	35.90	9.79%	0.16	0.08
PGS	52.80	8.64%	0.13	0.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	6.27	7.00%	0.01	1.72
BSR	22.20	6.99%	1.73	40.81
DGC	69.00	6.98%	0.41	10.97
SBG	15.45	6.92%	0.01	0.42
YEG	13.15	6.91%	0.04	4.41

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	58.60	9.94%	0.22	0.01
CAG	7.80	9.86%	0.04	0.07
PLC	35.90	9.79%	1.19	4.13
PHN	69.80	9.75%	0.21	0.00
ITQ	3.40	9.68%	0.04	1.07

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNM	70.30	-4.22%	-1.34	2.09
VCB	72.80	-0.95%	-1.25	8.36
VPB	29.05	-2.35%	-1.17	7.93
GEE	201.30	-6.81%	-1.08	0.37
VIC	160.50	-0.31%	-0.83	7.73

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	159.00	-5.86%	-1.05	0.20
SHS	19.10	-3.54%	-0.34	0.90
BAB	13.10	-4.38%	-0.32	1.00
MBS	26.30	-2.95%	-0.29	0.66
NTP	63.90	-3.77%	-0.23	0.17

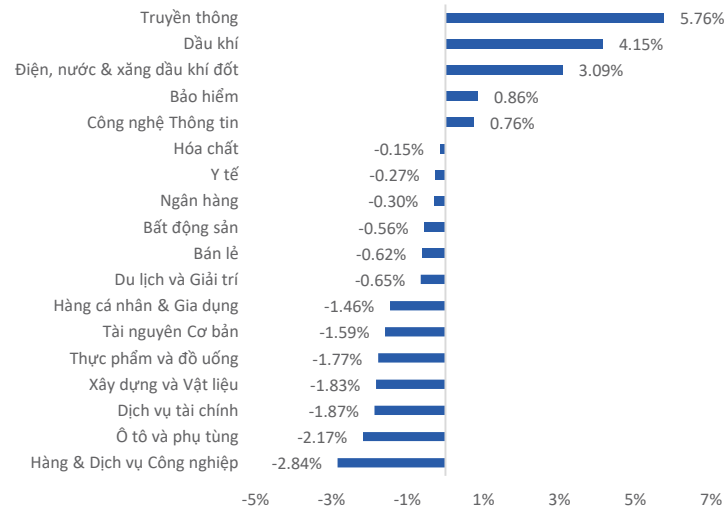
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	9.04	-7.00%	-0.01	0.01
DSC	15.35	-6.97%	-0.07	11.73
CMV	8.83	-6.95%	0.00	0.02
CTF	18.95	-6.88%	-0.03	0.25
HCM	23.75	-6.86%	-0.39	78.44

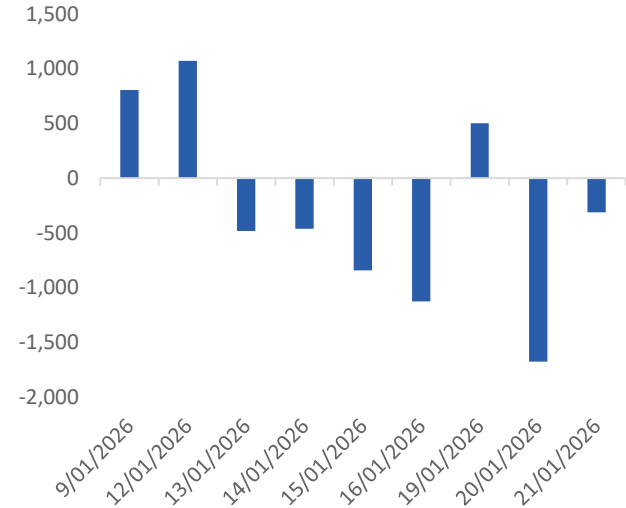
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HLC	13.80	-9.80%	-0.14	0.23
OCH	5.60	-9.68%	-0.46	0.05
TTC	9.40	-9.62%	-0.02	0.00
QST	25.30	-9.32%	-0.03	0.00
CTB	16.70	-9.24%	-0.13	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	85.4	-0.7%	1.2	126,287	556.8	3,957	21.7	106,000	47.8%	Link
KBC	Bất động sản	37.0	-1.7%	1.2	35,457	427.5	1,872	20.1	46,000	10.8%	Link
KDH	Bất động sản	28.7	-2.1%	1.1	32,881	188.4	857	34.2	39,900	27.6%	Link
PDR	Bất động sản	17.4	-0.6%	1.3	17,462	226.1	211	83.1	28,200	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	122.9	-0.1%	1.6	505,212	1170.4	6,133	20.1	119,600	8.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.0	0.9%	0.8	177,335	1711.3	5,280	19.7	118,700	39.4%	Link
BSR	Dầu khí	22.2	7.0%	0.0	103,901	869.4	413		23,200	1.3%	Link
PVS	Dầu khí	41.4	7.8%	1.4	19,639	551.6	2,841	13.5	42,800	14.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.8	-6.9%	1.1	27,539	1874.7	1,309	19.5		34.7%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.7	-2.8%	1.1	81,210	1465.4	1,836	17.8		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.0	-1.0%	1.0	30,051	373.4	1,849	19.1		16.5%	Link
DCM	Hóa chất	35.5	0.9%	1.2	18,635	119.2	3,578	9.8	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	69.0	7.0%	0.8	24,496	738.7	8,296	7.8	109,300	5.7%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	-0.8%	0.8	128,673	363.2	3,385	7.4	28,400	28.5%	Link
CTG	Ngân hàng	40.2	1.4%	1.0	307,959	812.6	4,292	9.2	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.1	0.4%	1.2	144,903	834.4	3,005	9.6	34,400	23.0%	Link
MBB	Ngân hàng	27.0	-1.5%	1.0	220,707	734.2	3,017	9.1	29,300	21.8%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	-0.4%	1.0	39,156	287.2	1,729	7.3	14,000	29.4%	Link
STB	Ngân hàng	62.1	6.9%	0.7	109,531	1718.4	6,519	8.9		13.8%	Link
TCB	Ngân hàng	35.8	-0.4%	1.1	254,750	543.3	3,111	11.6	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	-1.4%	1.1	48,407	130.4	2,358	7.4	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	72.8	-1.0%	0.7	614,142	822.3	4,202	17.5	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	17.8	-1.4%	0.8	61,442	288.3	2,225	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.1	-2.4%	1.2	236,034	998.4	3,024	9.8	35,650	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-1.7%	0.9	209,156	1017.5	1,876	14.5	33,170	20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	-2.7%	0.9	10,401	88.4	1,184	14.2	19,800	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.3	1.4%	0.9	10,719	169.3	4,150	6.7	28,800	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.9	-0.1%	1.1	115,673	516.8	2,196	36.4	98,300	22.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	70.3	-4.2%	0.5	153,403	805.6	4,160	17.7	64,500	50.5%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.9	-2.24%	1.2	10,373	114.6	2,408	19.5	22.0%		Link
FRT	Bán lẻ	152.8	0.00%	0.9	26,022	74.8	3,620	42.2	32.2%		Link
BVH	Bảo hiểm	73.9	1.23%	1.2	54,190	93.9	3,578	20.4	26.6%		Link
DIG	Bất động sản	15.6	-3.12%	1.1	12,783	247.7	515	31.2	3.1%		Link
DXG	Bất động sản	15.2	-1.62%	1.2	17,186	279.3	396	39.0	24.2%		Link
HDC	Bất động sản	21.4	0.95%	0.9	4,225	97.3	2,559	8.3	2.9%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	25.9	-2.08%	1.3	9,786	69.6	938	28.2	19.4%		Link
IDC	Bất động sản	46.8	5.17%	1.3	16,888	418.2	4,849	9.2	12.0%		Link
NLG	Bất động sản	29.8	-2.61%	1.1	14,844	106.3	2,171	14.1	43.2%		Link
SIP	Bất động sản	56.1	-1.92%	1.2	13,849	47.9	5,474	10.5	3.2%		Link
SZC	Bất động sản	31.2	-4.15%	1.1	5,859	61.1	1,917	17.0	2.8%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.1	-2.89%	1.4	14,183	125.7	801	19.4	10.6%		Link
VIC	Bất động sản	160.5	-0.31%	1.3	1,240,671	1047.6	1,147	140.3	3.1%		Link
VRE	Bất động sản	31.3	0.32%	1.5	70,783	227.9	2,144	14.5	13.0%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.7	1.35%	1.0	8,652	26.2	1,680	22.1	38.2%		Link
PLX	Dầu khí	59.1	0.17%	0.8	74,965	725.6	2,090	28.2	15.0%		Link
PVD	Dầu khí	29.8	4.39%	1.1	15,843	206.7	1,602	17.8	10.7%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.4	-2.71%	1.1	11,521	76.5	1,262	26.3	25.0%		Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.3	-2.95%	1.8	17,851	228.6	1,887	14.4	1.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	110.0	5.26%	0.9	252,153	483.4	5,014	20.8	2.2%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.7	2.45%	0.9	43,870	265.0	675	21.2	5.0%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	-1.11%	0.6	34,016	38.1	4,776	13.2	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	181.8	0.00%	0.6	107,555	513.5	2,897	62.8	7.0%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39.2	-4.27%	0.9	36,953	512.5	2,313	17.7	8.7%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.5	3.37%	0.8	29,087	379.3	3,493	19.5	39.9%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.8	-2.76%	0.5	10,385	142.8	6,185	9.9	7.3%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	0.99%	0.9	9,540	149.1	2,090	9.7	10.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	122.0	-2.79%	0.0	15,284	149.6	3,139	40.0	5.2%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	109.9	-1.79%	0.8	38,175	243.6	6,909	16.2	48.4%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.4	-1.26%	0.9	3,109	31.7	2,535	11.0	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.2	-2.42%	1.4	2,665	30.6	3,163	6.5	17.3%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	24.7	1.44%	1.0	16,522	190.6	1,212	20.1	4.0%		Link
GVR	Hóa chất	38.5	-1.28%	1.6	156,000	318.8	1,569	24.9	0.6%		Link
EIB	Ngân hàng	22.2	-3.06%	1.0	42,656	247.3	1,635	14.0	3.0%		Link
LPB	Ngân hàng	43.0	1.42%	0.8	126,511	134.5	3,469	12.2	0.8%		Link
NAB	Ngân hàng	14.7	-0.34%	0.0	25,221	34.9	2,337	6.3	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	12.0	-0.42%	0.9	31,957	49.5	1,460	8.2	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	-1.94%	0.9	6,937	86.1	571	27.2	5.4%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.2	-2.96%	1.1	7,189	41.8	2,829	9.5	3.3%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.8	-0.39%	0.5	11,842	141.0	1,715	22.7	3.9%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.6	-3.25%	0.7	67,078	113.2	3,373	15.5	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.0	-1.59%	1.0	14,141	125.5	6,944	9.1	20.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	160.1	-1.84%	0.1	13,352	60.7	15,010	10.9	85.0%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.1	-1.46%	1.1	8,009	56.7	6,245	12.0	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	101.4	-2.12%	1.1	11,850	147.0	5,128	20.2	5.4%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.0	0.47%	1.0	4,314	36.3	3,037	14.1	7.9%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.7	-1.94%	1.1	7,059	62.3	1,097	11.8	10.6%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.3	-2.31%	1.1	9,789	154.1	1,377	17.3	13.6%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.0	-1.50%	0.9	15,063	140.7	6,148	3.8	4.4%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.2	-3.18%	1.2	21,857	68.1	3,090	15.8	2.5%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
2	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
4	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
5	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
6	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
8	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
16	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
17	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
18	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>